Đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng **Mẫu biểu số 75**

Chương: 417

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH (9 THÁNG)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Hải Phòng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 09 tháng như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2026	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý III so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Tổng số thu phí, lệ phí**	**1.320**	**4.559**	**345%**	
	Số thu phí, lệ phí	1.320	4.559	345%	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**700**	**917**	**131%**	
1	Chi hoạt động của Cơ quan nhà nước	700	917	131%	
2	Chi sự nghiệp				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**620**	**4.172**	**673%**	
	Số phí, lệ phí nộp NSNN	620	4.172	673%	
IV	**Tổng số thu học phí, giá dịch vụ và thu khác**	**22.740**	**9.750**	**43%**	
B	**TỔNG DỰ TOÁN CHI NSNN (số sau trừ tiết kiệm 10%)**	**349.057**	**177.247**	**51%**	
I	**Chi hoạt động của Cơ quan nhà nước, Đảng,**	**44.646**	**25.872**	**58%**	**-**

	đoàn thể				
1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	29.156	16.164	55%	
2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	15.490	9.708	63%	
II	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	**297.753**	**147.421**	**50%**	
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	5.389	3.543	66%	
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	292.364	143.878	49%	
2.1	Nhiệm vụ Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo	195.293	120.013	61%	
2.2	Chuyển đổi số	97.071	23.865	25%	
III	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**2.649**	**1.542**	**58%**	
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.649	1.542	58%	
IV	**Chi hoạt động kinh tế**	**3.997**	**2.400**	**60%**	
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.997	2.400	60%	
V	**Chi khác**	**12**	**12**	**100%**	**-**
1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	12	12	100%	

Ngày 5 tháng 10 năm 2026

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Nguyễn Cao Thắng